

(theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng Năm 2020

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4800129232
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 80.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Phố Kim Đồng - Phường Hợp Giang - TP Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng
- Số điện thoại: 0263 505 505
- Số fax: 0263 852 579
- Website: <http://cmamc.com.vn>
- Mã cổ phiếu: KCB

* *Quá trình hình thành và phát triển:* Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được thành lập theo Quyết định số 3412/QĐ-BCN ngày 14/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp trên cơ sở chuyển đổi Công ty Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng thành Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

- Ngày 01/7/2006, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4800129232 được cấp bởi Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01/07/2006 với vốn điều lệ là 42 tỷ đồng và cấp thay đổi thứ 05 ngày 16/10/2012 với vốn điều lệ 80 tỷ đồng, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 51,89%.

- Ngày 16/12/2010, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu với tổng số cổ phần lưu ký là 8.000.000 cổ phần.

- Năm 2012, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng chính thức được Ủy ban chứng khoán Nhà nước đưa vào danh sách công ty đại chúng.

- Ngày 01/12/2015, cổ phiếu của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao chính thức niêm yết trên sàn giao dịch UpCOM.

* *Các sự kiện khác:*

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

* *Ngành nghề kinh doanh:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

- Khai thác, tuyển luyện gia công chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu khoáng sản, vàng, bạc, đá quý, kim loại, phi kim loại, nước khoáng và vật liệu xây dựng;

- Sản xuất thủy điện, xây lắp đường dây và trạm trung thế, hạ thế;

- Chế biến tiêu thụ: chè đẳng, chè dây, một số sản phẩm đặc sản khác;

- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước chè đẳng, chè dây và các loại nước giải khát;

- Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

* Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

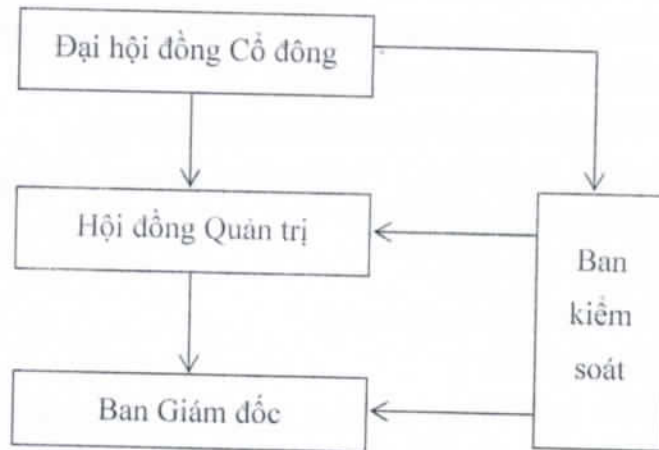
- Thành phố Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng

- Thị trấn Tĩnh Túc - Huyện Nguyên Bình - Tỉnh Cao Bằng

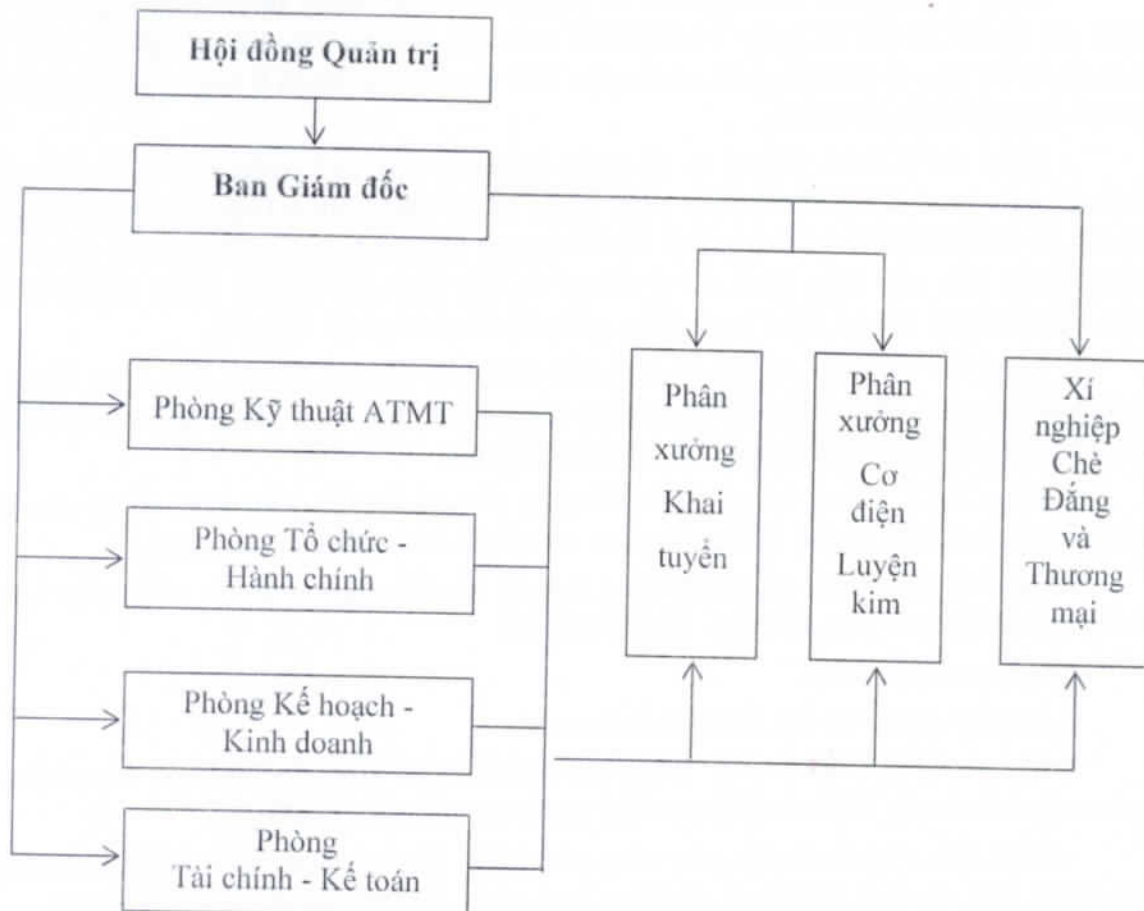
- Xã Trường Hà - Huyện Hà Quảng - Tỉnh Cao Bằng

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: theo Luật doanh nghiệp



- Cơ cấu bộ máy quản lý



- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

Công ty liên kết: Cổ phần thương mại và dịch vụ ô tô Thái Tuấn

Địa chỉ: Phường Đề Thám - TP Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng;

Lĩnh vực SXKD: sửa chữa, trung đại tu ô tô;

Vốn góp: 105.000.000 đồng; Tỷ lệ sở hữu: 5,8%

4. Định hướng phát triển

* Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2021:

- Doanh thu: 82.464 tỷ đồng;

- Hoàn thiện các thủ tục xin cấp phép mỏ thiếc Nậm Kép; khai thác tận thu khu Tây.

- Xử lý các tài sản, công trình tồn đọng để thu hồi vốn.

* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tăng cường công tác quản trị chi phí nhằm giảm chi phí sản xuất đến mức thấp nhất.

- Quan tâm đào tạo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất của Công ty.

- Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản.

- Sắp xếp lại lao động phù hợp với công nghệ và tổ chức sản xuất.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Đảm bảo an toàn môi trường, an sinh xã hội.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường):

- Thiên tai: lũ lụt, nắng hạn kéo dài;

- Thay đổi chính sách của Nhà nước.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2020:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch		Tỷ lệ (%)	
				Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	63.196	84.045	82.464	75,2	76,6
2	Lợi nhuận	Tr.đ	2.035	2.218	3.350	91,7	60,7
3	Các sản phẩm sản xuất						
3.1	Quặng thiếc 70% Sn	Tấn	136,68	223	193	61,3	70,8
3.2	Thiếc thỏi 99,75% Sn	Tấn	90,0	150	130	60,0	69,2
3.3	Vàng cám	Kg	2,663	5,0	2,0	53,26	133,2
3.4	FerôSilic 45	Tấn	828	750	650	110,4	127,4
3.5	Điện năng	Tr/kwh	5,54	10,6	5,69	52,3	97,4

- Sản phẩm tinh quặng thiếc 70% Sn: Sản xuất đạt 136,68/223 tấn bằng 61,3 % so với KH và bằng 150% so với cùng kỳ năm 2019.

- Thiếc thỏi 99,75%Sn tinh luyện: Đạt 90/150 tấn bằng 60,0 % KH và bằng 105,9% so với cùng kỳ năm 2019.

- Sản phẩm vàng sa khoáng: Sản xuất đạt 2,663/5,0 kg, bằng 53,26 % KH và bằng 193,6% so với cùng kỳ năm 2019.

- Sản xuất Ferro Silic 45: sản xuất đạt 828/750 tấn bằng 110,4 % KH và bằng 126,7% so với cùng kỳ năm 2019.

- Sản xuất, phát dẫn điện năng: Đạt 5,54/10,6 triệu Kwh bằng 52,3 % KH và bằng 75,8% so với cùng kỳ năm 2019.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác)

Gồm các ông/bà sau:

- + Ông Trần Văn Chương – Giữ chức danh Giám đốc Công ty từ 03/01/2020 đến nay.
- + Ông Nguyễn Tiến Hào giữ chức danh Phó giám đốc Công ty từ ngày 01/8/2013 đến nay;
- + Ông Đỗ Hữu Chiêm giữ chức danh Phó giám đốc Công ty từ ngày 06/02/2020 đến nay.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

+ Lao động đầu kỳ: 238 người; hết ngày 31/12/2020: 170 người;

+ Lao động sử dụng bình quân: 176 người.

CBCNV trong Công ty đều được đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ và hưởng các quyền lợi theo Luật lao động. Ngoài ra còn được hưởng các quyền lợi khác theo quy chế của Công ty, Tổng công ty Khoáng sản - TKV, Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án (năm 2020)

a) Các khoản đầu tư lớn:

Công ty triển khai thực hiện 3 dự án cụ thể sau:

* *DA đầu tư khai thác tận thu quặng thiếc trong đất đá thải khu vực bãi thải Thập lục phần.*

- Công ty đã được UBND tỉnh Cao Bằng cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản quặng thiếc và các khoáng sản đi kèm trong đất đá thải khu vực bãi thải Thập Lục Phần theo giấy phép số 2643/GP-UBND ngày 24/12/2020.

* *Dự án đầu tư khai thác mỏ thiếc sa khoáng Nậm Kép:*

- Hiện tại Công ty đang Phối hợp cùng đơn vị tư vấn hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi Đầu tư xây dựng trình cơ quan nhà nước xin chủ trương đầu tư và thực hiện lập Dự án khai thác mỏ thiếc Nậm Kép để xin cấp phép khai thác.

* *Dự án đầu tư khai thác tận thu quặng thiếc khu tây mỏ thiếc Tĩnh Túc:*

- Năm 2020 Công ty có quyết định Đóng cửa mỏ. Trong năm 2021, Công ty tập trung bám sát các cơ quan chức năng để hoàn thành việc xin Chủ trương đầu tư và Cấp phép khai thác.

b) *Các công ty con, công ty liên kết:* (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	DVT: triệu đồng		
	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	91.122	96.662	
Doanh thu thuần	39.911	60.624	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-26.522	2.035	
Lợi nhuận khác	1.300	2.388	

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Lợi nhuận trước thuế	-26.522	2.035	
Lợi nhuận sau thuế	-26.522	2.035	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: $\frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	1,67	1,74	
+ Hệ số thanh toán nhanh: $\frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	0,44	0,93	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,28	0,30	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,39	0,44	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: $\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	1,44	2,18	
$\frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản}}$	0,44	0,62	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	Số âm	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	Số âm	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	Số âm	0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	Số âm	0,03	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 8.000.000 cổ phần;

Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông;

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.000.000 cổ phần.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật: Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Cao Bằng được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4800129232 ngày 01/07/2006. Theo qui định tại Luật Doanh nghiệp, cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Theo đó, đến thời điểm hiện tại, số lượng cổ phiếu do cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Khoáng sản Luyện kim Cao Bằng nắm giữ đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông tính đến 31/12/2020	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên)	2	5.313.726	66,42
1.1	Cổ đông Nhà nước	1	4.150.869	51,89
1.2	Cổ đông cá nhân trong nước	1	1.162.857	14,53
2	Cổ đông nhỏ (nắm giữ dưới 5% vốn cổ phần)	1.036	2.686.274	33,58
2.1	Cổ đông tổ chức trong nước	1	230.316	2,88
2.2	Cổ đông cá nhân trong nước	1.035	2.455.958	30,94
Tổng cộng		1.038	8.000.000	100

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* (Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v...): Không có.

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* (Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch): Không có.

e) *Các chứng khoán khác:* (Nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty liên quan đến việc phát hành chứng khoán): Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) *Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.*

Sản phẩm chính: Thiếc thời 99,75%Sn: 90,0 tấn

- Nguyên liệu chính: Quặng thiếc 70%: 130,976 tấn

b) *Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.*

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) *Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.*

- Nhiên liệu, than cốc các loại: 788,38 tấn.

b) *Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:* Không có.

c) *Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng* (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) *Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.*

- Nguồn cung cấp nước: Hồ nước khu Tây - Mỏ Thiếc Tĩnh Túc - Nguyên Bình - Cao Bằng.

- Lượng nước sử dụng dùng cho tuyển rửa đất quặng: 336.398 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

- Lượng nước lưu hồi, tái sử dụng chiếm 90%: 302.758 m³.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động: 176

- Mức lương trung bình: 6,4 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Người lao động có chế độ ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại, khám sức khỏe định kỳ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:
Số giờ đào tạo trung bình 8h/người/năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Các chương trình đào tạo: Tập huấn công tác nghiệp vụ, công tác an toàn môi trường; bồi dưỡng kèm cặp nâng bậc...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Lưu ý: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Chi tiết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại mục 1 phần 2 của báo cáo này.

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

* Công tác quản trị chi phí:

- Trong năm, công tác quản trị chi phí đã từng bước được kiểm soát chặt chẽ. Việc thực hiện kế hoạch sản xuất, sử dụng vật tư, nguyên nhiên liệu tại từng công đoạn sản xuất được theo dõi tổng hợp từng tuần/tháng để đánh giá và đưa ra giải pháp đảm bảo định mức giao khoán.

- Hàng tháng đã triển khai việc nghiệm thu thanh quyết toán cho từng công đoạn sản xuất và đưa ra phương hướng nhiệm vụ kế hoạch tháng tiếp theo đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Công trường, nhà máy đảm bảo hiệu quả.

- Nhìn chung giá thành sản xuất, giá thành tiêu thụ các sản phẩm chính của Công ty đều đạt và thấp hơn kế hoạch đề ra.

** Công tác Khai thác, Tuyển khoáng:*

- Trong năm 2020, Công ty chủ động triển khai xúc bốc chọn lọc đất quặng và bóc đất đá theo hướng phát triển của ô quặng để giảm các rủi ro trong quá trình bóc đất đá thải.

- Công ty xây dựng kế hoạch bóc đất đá thải theo từng vùng hàm lượng quặng khác nhau để điều hành sản xuất, cụ thể như sau: Đối với đất đá chứa quặng có hàm lượng từ $200 \div 500 \text{ gam/m}^3$ mà không phải bóc thải thì đưa về tuyển rửa đảm bảo hiệu quả; Đối với khu vực bóc thải có hệ số bóc $\geq 0,25 \text{ m}^3/\text{tấn}$, hàm lượng đất quặng phải đảm bảo $\geq 500 \text{ gam/m}^3$ đưa về tuyển rửa mới có hiệu quả.

- Ngoài ra, Công ty luôn quan tâm đến công tác quản lý kỹ thuật mỏ để tiết giảm chi phí, từ việc bố trí thiết bị hợp lý, đảm bảo an toàn môi trường và đặc biệt là các tuyến đường vận chuyển trong khai trường của mỏ, các gương tầng xúc.

- Công tác tuyển khoáng: Huy động 04 hệ tuyển hoạt động trong năm 2020. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản đảm bảo định mức đề ra và triển khai tận thu triệt để các khoáng sản đi kèm.

** Công tác phát dẫn điện năng và luyện kim:*

- Điện năng phát dẫn đạt 5,7 Tr.Kwh. Lượng điện sản xuất trong năm đảm bảo cung cấp cho các khu vực sản xuất ổn định.

- Luyện thiếc: Công ty không triển khai tự luyện thiếc thỏi mà thuê luyện với số lượng thiếc thỏi 99,75%Sn là 90 tấn, thực thu luyện 96%.

- Luyện Ferro silic 45: Đã tăng cường kiểm soát việc nấu luyện từ khâu xử lý nguyên liệu đầu vào đến khâu nấu luyện; Cập nhật hàng ngày các tiêu hao vật tư, nguyên nhiên liệu, sản phẩm sản xuất; Điều phối khâu cung cấp điện đảm bảo cho lò hoạt động ổn định.

** Công tác cơ điện:* Công tác sửa chữa thiết bị đã có nhiều nỗ lực, thiết bị về cơ bản đều huy động được vào tham gia sản xuất.

2. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4
A- Tình hình tài chính				
I- Tài sản ngắn hạn	100 -BCĐKT	50.130	37.815	12.315
1-Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	1.507	1.295	212
2- Các khoản phải thu ngắn hạn	130 -BCĐKT	25.243	8.433	16.810
3- Hàng tồn kho	140 -BCĐKT	23.342	27.795	(4.453)
4- Tài sản ngắn hạn khác	150 -BCĐKT	37	292	(255)
II- Tài sản dài hạn	200 -BCĐKT	46.532	53.307	(6.775)
1- Các khoản phải thu dài hạn	210 -BCĐKT	8.599	8.599	0
2- Tài sản cố định	220 -BCĐKT	24.340	31.129	(6.789)
- Nguyên giá	222+225+228 - BCĐKT	200.462	218.968	(18.506)
- Giá trị hao mòn lũy kế	223+226+229 - BCĐKT	(176.121)	(187.839)	11.718

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4
3-Tài sản dở dang dài hạn	240 -BCĐKT	9.440	12.165	-2.725
4- Đầu tư tài chính dài hạn	250 -BCĐKT	105	105	-
5- Tài sản dài hạn khác	260 -BCĐKT	4.047	1.309	2.738
III- Nợ phải trả	300 -BCĐKT	29.772	25.527	4.245
1- Nợ ngắn hạn	310 -BCĐKT	28.809	22.614	6.195
- Phải trả cho người bán ngắn hạn	311-BCĐKT	10.335	6.447	3.888
- Người mua trả tiền trước	312-BCĐKT			
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313-BCĐKT	2.285	7.210	-4.925
- Phải trả người lao động	314-BCĐKT	4.142	2.630	1.512
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315-BCĐKT	10	6	4
- Phải trả ngắn hạn khác	319-BCĐKT	1.424	702	722
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320-BCĐKT	6.445	1.950	4.495
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322-BCĐKT	3.866	3.669	197
2- Nợ dài hạn	330 -BCĐKT	963	2.913	(1.950)
- Phải trả dài hạn khác	337 -BCĐKT	13	13	-
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 -BCĐKT	950	2.900	(1.950)
IV- Vốn chủ sở hữu	400 -BCĐKT	66.889	65.595	(27.262)
1- Vốn góp của chủ sở hữu	411 -BCĐKT	80.000	80.000	-
Trong đó: Vốn góp của nhà nước		41.508	41.508	-
2 - Quỹ đầu tư phát triển	418- BCĐKT	5.555	5.555	-
3- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420 -BCĐKT	780	780	-
4 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421 -BCĐKT	(27.837)	(29.872)	2.035
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a - BCĐKT	(29.872)	(3.350)	(26.522)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b- BCĐKT	2.035	(26.522)	24.487
5- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433-BCĐKT	8.391	9.132	(741)
B/ Kết quả kinh doanh				
1- Tổng doanh thu	01+21+31- BCKQKD	63.196	42.142	21.054
Trong đó: Doanh thu bán hàng		60.625	39.911	20.714
Doanh thu hoạt động tài chính		6	60	(54)
Thu nhập khác		2.565	2.171	394
2- Tổng lãi (+), lỗ (-) .	50-BCKQKD	2.035	(26.522)	24.487

29
G
H
S
N
B
31

CFB

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4
3- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	60-BCKQKD	2.035	(26.522)	24.487
4- Tổng phải nộp ngân sách		13.257	21.370	8.113
C/ Các chỉ tiêu đánh giá khác .				
1- Tỷ suất lợi nhuận / doanh thu.		0,03	số âm	
2- Lợi nhuận / Vốn đầu tư của chủ sở hữu	%	0,03	số âm	
3- Tổng nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	%	0,03	0,45	
4- Khả năng thanh toán (Tổng TS/ NPT)	lần	3,27	3,57	
5 - Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn(TSNH/NNH)	lần	1,75	1,67	
6 - Khả năng thanh toán nhanh(TSNH-HTK)/NNH	lần	0,93	0,43	
7 - Tài sản ngắn hạn / tổng tài sản	%	52%	41%	
8 - Tài sản dài hạn / tổng tài sản	%	48%	59%	

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty đã triển khai xây dựng lại mô hình tổ chức sản xuất từ các tổ đội, phòng ban và định biên lại lao động để nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí và nâng cao lương, thu nhập cho người lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mục tiêu xây dựng môi trường sản xuất kinh doanh của Công ty luôn luôn giữ vững khẩu hiệu "An toàn – Hiệu quả - Phát triển".

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

Công ty đã triển khai thực hiện công tác bảo vệ môi trường thường xuyên năm 2020, cụ thể như sau:

- Công tác quan trắc môi trường định kỳ: Phối hợp với Công ty cổ phần kỹ thuật phân tích môi trường thực hiện theo tần suất 4 lần/năm đối với mẫu giám sát chất thải, 2 lần /năm đối với mẫu môi trường xung quanh. Các chỉ tiêu phân tích chất lượng môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải, khí thải.

- Thu gom xử lý chất thải nguy hại: Trong năm, Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng hành nghề xử lý chất thải nguy hại để xử lý theo quy định, do khối lượng phát sinh hàng năm không nhiều nên công tác bàn giao chỉ thực hiện 1 năm 1 lần.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

- Công ty thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân đầy đủ cho người lao động; Định kỳ hàng năm tổ chức các đợt khám, phân loại sức khỏe, BNN từ đó bố trí, sắp xếp việc làm hợp lý cho người lao động ...

- Tổ chức công tác huấn luyện ATVSLĐ định kỳ cho 97 người. Tiến hành đo, kiểm tra môi trường lao động tại các vị trí sản xuất.

- Trong năm Công ty không để xảy ra vụ TNLD nào.

c. *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.*

- Thực hiện giám sát chất lượng môi trường thường xuyên theo đề án bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường của Công ty. Kiểm soát không để phát tán chất thải gây ảnh hưởng xấu tới môi trường sống của cộng đồng dân cư.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá chung kết quả hoạt động năm 2020, HĐQT ghi nhận sự nỗ lực của Công ty trong bối cảnh chung của nền kinh tế và sự cạn kiệt tài nguyên hiện nay. Ban điều hành Công ty đã trực tiếp bám sát hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ được phân công. Kết quả năm 2020 đã hoàn thành tốt kế hoạch đặt ra, sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Giám đốc Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ được phân công.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020
Tổng doanh thu	Triệu đồng	84.045	63.196
Tổng lợi nhuận	Triệu đồng	2.218	2.035
Tổng quỹ tiền lương	Triệu đồng	15.971	12.320
Lao động sử dụng bình quân	Người/năm	200	176
Tiền lương bình quân	Trđ/người/tháng	6,7	6,4
Tổng giá trị đầu tư	Triệu đồng	15.900	5.200

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2021, nhận định tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đang trong giai đoạn khó khăn, Công ty cần phải triển khai quyết liệt các giải pháp tiết kiệm vật tư, tiết giảm các chi phí, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm đem lại hiệu quả cao nhất trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở đó Hội đồng quản trị Công ty xác định các định hướng hoạt động cho năm 2021 với các nhiệm vụ cơ bản sau:

1. Tập trung chỉ đạo, giám sát công tác triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021. Điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp để thực hiện được các nội dung mà đại hội thường niên đề ra. Tích cực hỗ trợ Ban giám đốc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

2. Tiếp tục chỉ đạo Ban giám đốc đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, trọng tâm là xin cấp Giấy phép khai thác tận thu bãi thải khu Tây và Dự án Nậm Kép.

3. Chỉ đạo Ban giám đốc tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác tái cơ cấu lao động; Công tác quản lý kỹ thuật cơ bản; Công tác Đầu tư; Công tác chăm lo xây dựng đội ngũ, phát triển nguồn nhân lực; Công tác áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

4. Chỉ đạo Ban giám đốc quan tâm, sát sao trong công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Phát huy các mặt đã làm được và kịp thời khắc phục các mặt yếu kém chưa làm được. rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế nội bộ theo thẩm quyền.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty có 04 thành viên, gồm các ông/bà sau:

- Ông Bùi Tiến Hải – Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản – TKV Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty; đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 51,89% cổ phần có quyền biểu quyết;

- Ông Trần Văn Chương – Giám đốc Công ty, Thành viên HĐQT. (được bầu giữ chức thành viên HĐQT từ ngày 23/6/2020, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020)

- Ông Đặng Văn Lâm – Phó phòng kinh doanh - Tổng công ty Khoáng sản – TKV, Thành viên HĐQT Công ty. (được bầu giữ chức thành viên HĐQT từ ngày 23/6/2020, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020)

- Ông Hà Ngọc Bình Thành viên HĐQT Công ty; đại diện 14,53% số cổ phần có quyền biểu quyết. (được bầu giữ chức thành viên HĐQT từ ngày 23/6/2020, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020)

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Trong năm 2020, HĐQT tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên, tổ chức 04 phiên họp và 04 lần lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 13 nghị quyết để chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ và giám sát thực hiện công tác điều hành sản xuất kinh doanh của công ty. Các cuộc họp của HĐQT được các thành viên tham gia đầy đủ, đưa ra các nghị quyết và quyết định phù hợp với điều lệ, phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty:

Các nội dung quan trọng Hội đồng quản trị đã thông qua trong năm 2020 như sau:

- Miễn nhiệm, bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty;
- Bổ nhiệm cán bộ chức danh Phó Giám đốc Công ty;
- Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư “Khai thác tận thu quặng thiếc trong đất đá thải, khu vực bãi thải Thập Lục Phần tại thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng”;
- Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- Phê duyệt vay vốn tín dụng ngắn hạn;
- Thông qua mô hình tổ chức định biên lao động;
- Phê duyệt chủ trương thanh lý tài sản cố định;
- Phê duyệt giá khởi điểm đấu giá thanh lý tài sản cố định;

- Thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- Phê duyệt hệ thống thang lương, bảng lương (KSLK);
- Phê duyệt chủ trương đầu tư duy trì sản xuất.

d) *Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

e) *Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.*

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

- + Ông: Bùi Tiến Hải Chủ tịch HĐQT Công ty;
- + Ông: Trần Văn Chương Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty;
- + Ông: Đặng Văn Lâm Thành viên HĐQT Công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) *Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

Ban kiểm soát (BKS) Công ty có 03 thành viên, gồm các ông/bà sau:

- Ông Nguyễn Thanh Long - Phó phòng Tài chính - Kế toán Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Trưởng BKS Công ty;

- Ông Đặng Giang Nam – Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty - Thành viên BKS;

b) *Hoạt động của Ban kiểm soát*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Ban kiểm soát Công ty gồm 02 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban và 01 thành viên vừa trực tiếp tham gia quản lý, vừa thực hiện vai trò kiểm soát tại Công ty theo từng lĩnh vực gắn với công tác quản lý, điều hành của HĐQT và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã thay mặt cổ đông thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công;

- Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.

- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

- Thực hiện công việc giám sát, kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật, phân phối tiền lương cho người lao động.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2020 (VND)
1	Ông Bùi Tiến Hải	Chủ tịch HĐQT	28.800.000
2	Ông Đặng Văn Lâm	Thành viên HĐQT (từ ngày 23/6/2020)	12.600.000
3	Ông Trần Văn Chương	Thành viên HĐQT (từ ngày 23/6/2020). Giám đốc Công ty	202.200.000
4	Ông Hà Ngọc Bình	Thành viên HĐQT (từ ngày 23/6/2020). Thành viên BKS (đến ngày 23/6/2020)	24.000.000
5	Ông Nguyễn Minh Tâm	Thành viên HĐQT (đến ngày 23/6/2020). Giám đốc (đến ngày 03/01/2020)	62.760.000
6	Ông Nguyễn Tiến Hào	Thành viên HĐQT (đến ngày 23/6/2020). Phó giám đốc	157.200.000
7	Ông Nguyễn Thanh Long	Trưởng BKS	25.200.000
8	Ông Đặng Giang Nam	Thành viên BKS (từ ngày 23/6/2020)	11.400.000
9	Ông Đỗ Hữu Chiêm	Phó Giám đốc (từ ngày 06/02/2020)	144.500.000
	Cộng		668.660.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty): Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Báo cáo tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cf

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán).

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính đăng trên Website: <http://cmamc.com>.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Chương

C.P. Đ. Đ. Đ.

Handwritten mark